

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 5 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp con chung
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thu Hương;

Ông Nông Đình Công.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Âu Thị K, sinh năm 1994;

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: N1, M, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Bế Văn P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và các tài liệu đã được công khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Âu Thị K trình bày: Chị và anh Bế Văn P được tự do tìm

hiếu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng với bố mẹ chồng tại thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 2016, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hai vợ chồng cùng nhau xuống Bắc Ninh tìm việc làm. Đến năm 2017, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh P thường xuyên uống rượu say, mỗi lần uống rượu say là đập phá đồ đạc và đánh đập chị K. Đến cuối năm 2017, do không chịu đựng được chồng nên chị K nghỉ việc tại công ty và bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn L, xã Q, huyện T1, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó khoảng hơn 01 tháng thì anh P cũng nghỉ việc và về nhà mẹ vợ để gọi chị K về sinh sống tại nhà chồng, hai vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, vợ chồng lại chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và anh P đã thay đổi tích cực.

Đến cuối năm 2020, hai vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu. Mỗi lần say lại đập phá đồ đạc, đánh đập và có lần đuổi chị K ra khỏi nhà. Mẹ chồng đã nhiều lần can ngăn nhưng anh P không thay đổi. Chị Âu Thị K đưa con là Bé Hải Y về nhà mẹ đẻ tại xã Q sinh sống, còn cháu Bé Hải N1 ở lại với bố và bà nội tại thôn N, xã T. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hóa giải được, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, xác định tình cảm không còn nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Âu Thị K được ly hôn với anh Bé Văn P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị K và anh Bé Văn P có 02 con chung là cháu Bé Hải Y, sinh ngày 30/7/2018 và cháu Bé Hải N1, sinh ngày 19/7/2021. Khi ly hôn chị K yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bé Hải Y đến khi cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh Bé Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Hải N1 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, riêng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết, chị Âu Thị K có đơn yêu cầu Tòa án không tổ chức, tiến hành phiên họp hòa giải.

Bị đơn là anh Bé Văn P không có ý kiến gì đối với Thông báo thụ lý vụ án. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành triệu tập anh Bé Văn P 02 lần để làm việc nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh, làm việc tại nhà với bà Đình Thị D là mẹ đẻ và chị Bé Thị P1, là em gái anh Bé Văn P cho biết mâu thuẫn của hai vợ chồng đã xảy ra khoảng hai, ba năm nay. Nguyên nhân là do anh P không tôn trọng chị K, thường xuyên uống rượu và dùng bạo lực với mọi người, chị K từng đề cập đến việc ly hôn nhưng anh P mặc kệ không có ý kiến gì, chỉ nói với gia đình rằng nếu ly hôn thì mong muốn được nuôi dưỡng cháu Bé Hải N1, còn cháu Bé Hải Y sẽ do chị K nuôi dưỡng và hiện tại thì cháu Bé Hải Y đang ở với mẹ bên nhà ngoại, còn cháu Bé Hải N1 đang ở với bố cùng gia đình bên nội. Khi

nhận được văn bản của Tòa án, gia đình đều thông báo cho anh P và khi anh P về thăm nhà gia đình đều yêu cầu anh P đến Tòa án làm việc nhưng anh P không đến Tòa án làm việc mà lại đi xuống công ty làm việc. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng và đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng hết thời hạn niêm yết theo quy định anh Bế Văn P vẫn không có mặt mặc dù đã được gia đình thông báo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Âu Thị K đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Bế Văn P đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt tại phiên tòa (hai lần) không có lý do, do vậy anh Bế Văn P không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Âu Thị K được ly hôn với anh Bế Văn P; về con chung: Giao con chung là cháu Bế Hải Y, sinh ngày 30/7/2018 cho chị Âu Thị K nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Bế Hải N1 sinh ngày 19/7/2021 cho anh Bế Văn P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Âu Thị K và anh Bế Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có; về án phí: Chị Âu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Bế Văn P là bị đơn có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn N, xã T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Về việc vắng mặt của anh Bế Văn P tại phiên tòa: Đã được tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Bế Văn P vẫn không có mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Âu Thị K và anh Bế Văn P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 29/12/2014, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau

khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do lối sống, cách sống phát sinh dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không hòa giải được, anh P không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu. Mỗi lần say lại đập phá đồ đạc, đánh đập và đuổi chị K ra khỏi nhà. Mẹ chồng đã nhiều lần can ngăn nhưng anh P không thay đổi, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này được cả mẹ chồng và em chồng chị Âu Thị K xác nhận. Do đó, chị Âu Thị K yêu cầu ly hôn anh Bé Văn P là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh P nhiều lần nhưng anh P không có mặt. Tiến hành xác minh tại nhà bị đơn xác định mâu thuẫn hai vợ chồng đã có từ lâu, anh P thường xuyên uống rượu và dùng vũ lực với mọi người. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không ai còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau, anh Bé Văn P cũng không thể hiện sự hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Thị K và cho chị Âu Thị K được ly hôn với anh Bé Văn P.

[5] Về con chung: Chị Âu Thị K và anh Bé Văn P có 02 con chung là cháu Bé Hải Y, sinh ngày 30/7/2018 và cháu Bé Hải N1, sinh ngày 19/7/2021. Khi ly hôn chị K yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bé Hải Y đến khi cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh Bé Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Hải N1 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án mẹ đẻ của anh Bé Văn P cho biết mong muốn của anh Bé Văn P là muốn nhận nuôi cháu Bé Hải N1. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/5/2023 của chị Âu Thị K trình bày hai vợ chồng thỏa thuận về việc nuôi con, cháu Bé Hải Y sẽ do chị Âu Thị K nuôi dưỡng, còn cháu Bé Hải N1 do anh Bé Văn P nuôi dưỡng, chăm sóc và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; thực tế hiện nay cháu Bé Hải Y đang sinh sống với mẹ và bà ngoại tại xã Q, cháu Bé Hải N1 đang sinh sống với bố và bà nội tại xã T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Âu Thị K là có căn cứ và phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung, riêng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Âu Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị K được ly hôn với anh Bé Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Bé Hải Y, sinh ngày 30/7/2018 cho chị Âu Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao cháu Bé Hải N1, sinh ngày 19/7/2021 cho anh Bé Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Âu Thị K, anh Bé Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Âu Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Kiều đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006367, ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Âu Thị K, anh Bé Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định;
- UBND xã Tri Phương, H.Trảng Định;
- T.Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảy